TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** Số: 27/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** *N, ngày 20 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1979. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Hiện tạm trú tại: số D P, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Hồng N, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Chổ ở hiện nay: D L, phường K, quận N, Tp. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 12 tháng 3 năm 2025, người yêu cầu là ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137/2013, quyển số: 01/2012, ngày 06 tháng 12 năm 2013). Trong quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy ông bà đã sống ly thân gần 04 năm nay, ông Trần Ngọc T sống cùng 02 con tại địa chỉ D P, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng còn bà N thuê trọ sống riêng tại địa chỉ D L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không đạt mục đích, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm

trọng, không thể hàn gắn được, ông bà cũng đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Trọng D, sinh ngày: 14/04/2016 và Trần Minh T1, sinh ngày: 21/06/2018. Ông bà thỏa thuận, khi ly hôn ông Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Trần Trọng D và Trần Minh T1. Bà Lê Hồng N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2000.000 đồng/01 con). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/4/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003631 ngày 28/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137/2013, quyển số: 01/2012, do UBND xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp ngày 06 tháng 12 năm 2013 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Trọng D, sinh ngày: 14/04/2016 và Trần Minh T1, sinh ngày: 21/06/2018. Ông bà thỏa thuận, khi ly hôn ông Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con Trần Trọng D và Trần Minh T1. Bà Lê Hồng N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2000.000 đồng/01 con). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/4/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N đều xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Trần Ngọc T và bà Lê Hồng N mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003631 ngày 28/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa